ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT TIẾN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2368 /QĐ-UBND	*Việt Tiến, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Yên Khê (đoạn từ Nhà ông Hoàng Văn Tải đến kênh Đại Thần)

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, 135/2025/QH15);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (được đính chính tại Quyết định số 1538/QĐ-BXD ngày 28/8/2026 của Bộ Xây dựng); số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 về cấp công trình xây dựng;

Căn cứ các văn bản của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: Quyết định số 258/QĐ-SXD ngày 06/10/2025 công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Công văn số 3385/SXD-KT&VLXD ngày 01/7/2026 về bảng giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Thông báo số 522/TB-SXD ngày 05/11/2026 về việc công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tháng 10 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 10/09/2026 của UBND xã Việt Tiến về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Yên Khê (đoạn từ Nhà ông Hoàng Văn Tải đến kênh Đại Thần);

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-BQLDA ngày 10/09/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiến về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Yên Khê (đoạn từ Nhà ông Hoàng Văn Tải đến kênh Đại Thần);

Xét đề nghị của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiến tại Tờ trình số 168/TTr-BQLDA ngày 10/11/2026; Báo cáo thẩm định số /KQTĐ-KT ngày /11/2026 của Phòng Kinh tế xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Yên Khê (đoạn từ Nhà ông Hoàng Văn Tải đến kênh Đại Thần), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng thôn Yên Khê (đoạn từ Nhà ông Hoàng Văn Tải đến kênh Đại Thần).

2. Mã số thông tin công trình: Không

3. Địa điểm xây dựng: xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên;

4. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến

5. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiến.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Phước Toàn.

7. Loại, nhóm dự án; Loại, cấp công trình chính: Dự án nhóm C; Công trình đường giao thông, cấp IV.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng công trình nhằm đảm bảo việc lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự, từng bước chỉnh trang, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan xung quanh và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công xuất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính thuộc dự án:

9.1. Quy mô đầu tư:

- Loại công trình, cấp công trình chính: Công trình đường giao thông, cấp IV.

- Cấp đường: Đường GTNT cấp C.

- Vận tốc thiết kế: 15km/h.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng.

- Chiều dài tuyến L= 892,96 m.

9.2. Giải pháp thiết kế chính:

a) Bình đồ, hướng tuyến: Tuyến bám theo tim đường hiện trạng, chỉnh một số vị trí sao cho êm thuận của toàn tuyến và hạn chế GPMB.

- Thiết kế tuyến đường từ nhà ông Nhà ông Hoàng Văn Tải đến Kênh Đại Thần.

b) Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở điểm khống chế trên tuyến, bao gồm các điểm đầu tuyến, cuối tuyến và cao độ hiện trạng của khu vực thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận toàn tuyến.

c) Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường: Bmặt =3,00m, độ dốc mặt đường imặt=2% dốc sang 2 bên.

- Chiều rộng lề đường: Đoạn có kênh, ruộng Blề=1.0m, độ dốc ilề=4% về phía kênh, ruộng; đoạn có tường rào Blề theo hiện trạng; độ dốc ilề=4% về phía tường rào.

- Đoạn từ cọc DT đến cọc D1, bên trái tuyến thiết kế tường chắn + ốp mái taluy, bên phải tuyến đắp lề đất mái taluy.

- Đoạn từ cọc 5 đến cọc D2, bên trái tuyến thiết kế tường chắn + ốp mái taluy, bên phải tuyến đắp lề đất.

- Đoạn từ cọc D2 đến cọc TC1, bên trái tuyến thiết kế tường chắn + ốp mái taluy.

- Đoạn từ cọc D2 đến cọc TD1, bên phải tuyến thiết kế tường chắn BTXM đổ tại chỗ.

- Nạo vét hoàn trả mương bên trái tuyến đoạn từ cọc DT đến cọc TC1 bề rộng đáy mương B=2,0m hệ số mái (đối diện) m=1,5.

- Đoạn từ cọc TD2 đến cọc CT bên trái tuyến thiết kế kênh xây thủy lợi kích thước BxH=1,0x1,0m.

- Đoạn từ cọc P2 đến cọc CT bên phải tuyến thiết kế kênh xây thủy lợi kích thước BxH=1,0x1,0m.

* Kết cấu mặt đường:

- Kết cấu mặt đường loại 1 kết cấu từ trên xuống dưới như sau: Lớp bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 20cm; Lớp ni lông chống nước mặt đường; Lớp đệm cát vàng tạo phẳng 3cm, Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm; Lớp cát đen đầm chặt yêu cầu K≥0,95 dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường loại 2 kết cấu từ trên xuống dưới như sau: Lớp bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 20cm; Lớp ni lông chống nước mặt đường; Lớp

đệm cát vàng tạo phẳng 3cm, Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm; Bù vênh bằng cát đen đầm chặt K≥0,95; Cày xới, lu lèn nền đất, chiều sâu tác dụng 30cm yêu cầu K≥0,95.

d) Tường chắn + ốp mái taluy:

- Kết cấu tường chắn: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; móng tường chắn bê tông M200 đá 2x4, thép liên kết D10, thân tường chắn bê tông M200 đá 2x4.

- Kết cấu ốp mái taluy: đắp đất mái taluy độ chặt K>=0.90, lớp nilong chống mất nước; mái mương BTCT mác 250, đá 1x2.

- Khe lún chèn bao tải đay tẩm nhựa (10m/khe).

- Ống thoát nước mái kè PVC 5m/1 ống.

e) Tường chắn bê tông xi măng:

- Kết cấu tường chắn: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; móng tường chắn bê tông M200 đá 2x4, thép liên kết D10, thân tường chắn bê tông M200 đá 2x4.

- Khe lún chèn bao tải đay tẩm nhựa (10m/khe).

- Ống thoát nước tường chắn PVC 5m/1 ống.

f, Cọc tiêu bê tông cốt thép:

- Kết cấu cọc tiêu bê tông cốt thép: Thân cọc tiêu BTCT M200, đá 1x2 đúc sẵn sơn trắng đỏ; Bê tông móng cọc tiêu bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ.

g, Cống tròn ngang đường thoát nước :

- Kết cấu cống: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Gối cống D400 đúc sẵn; Cống BTCT D400 đúc sẵn tải trọng HL93.

- Bố trí hố ga để thu, thoát nước phía nhà dân đối diện kênh tránh ngập úng.

- Kết cấu hố ga: Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Bê tông móng BTXM 200 đá 2x4; Thành ga xây gạch không nung vữa xi măng mác 75; Trát trong thành ga vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; Tấm đan BTCT đúc sẵn mác 250 đá 1x2. Thu nước mặt bằng nắp thăm thu kết hợp bằng gang kích thước 1050x745mm tải trọng 250KN.

h, Kênh xây BxH=1,0x1,0 (m):

- Kết cấu kênh xây: Đóng cọc tre gia cố nền đất D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá dăm đá 2x4 dày 10cm, lớp móng BTXM M200 đá 2x4 dày 20cm; Xây tường kênh bằng gạch không nung VXM M75, Trát tường kênh bằng VXM M75 dày 1,5cm.

- Bố trí tấm đan qua kênh để đi lại với kết cấu: Xà mũ BTCT M200 đá 1x2, Tấm đan BTCT đúc sẵn mác 200 đá 1x2.

i, Cống BTCT hoàn trả thủy lợi:

* Cống D400:

- Kết cấu cống: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Gối cống D400 đúc sẵn; Cống BTCT D400 đúc sẵn tải trọng HL93.

- Kết cấu tường đầu, hèm phai: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Móng tường đầu (hèm phai) bê tông M200 đá 2x4, Thân tường đầu (hèm phai) bê tông M200 đá 2x4.

- Tại vị trí đầu cống bố trí dàn van máy đóng mở V0.

* Cống BxH=1,0x1,0 (m):

- Kết cấu cống: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Móng cống BTXM M200 đá 2x4; Cống BTCT BxH=1,0x1,0 (m) đúc sẵn tải trọng HL93.

- Kết cấu tường đầu, hèm phai: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Móng tường đầu (hèm phai) bê tông M200 đá 2x4, Thân tường đầu (hèm phai) bê tông M200 đá 2x4.

- Tại vị trí đầu cống bố trí dàn van máy đóng mở V1.

* Cống BxH=1,5x1,5 (m):

- Kết cấu cống: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Móng cống BTXM M200 đá 2x4; Cống BTCT BxH=1,5x1,5 (m) đúc sẵn tải trọng HL93.

- Kết cấu tường đầu, tường cánh, hèm phai: Đóng cọc tre gia cố móng D6-8cm, L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2; Đệm móng đá 2x4 dày 10cm; Móng bê tông M200 đá 2x4, Thân tường đầu (tường cánh, hèm phai) bê tông M200 đá 2x4.

- Tại vị trí đầu cống bố trí dàn van máy đóng mở V2.

(Các nội dung khác theo như hồ sơ báo cáo KTKT đã thể hiện)

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế:

- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 9401:2024 về Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN4054-2005 (tham khảo);

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5573:2025 về Thiết kế kết cấu khối xây;

- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài;

- TCVN 9113:2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 9116:2012: Cống hộp bê tông cốt thép;

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 07:2023/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ;

- QCVN 41:2024/BGTVT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- Các quy trình, quy phạm được áp dụng hiện hành khác.

b. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

- TCVN 4252:2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công;

-TCVN 9361:2012: Thi công và nghiệm thu công tác nền móng.

- TCVN 9436:2012: Nền đường ôtô - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2023: Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 7570:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (yêu cầu kỹ thuật);

- TCVN 7572:2006: Cốt liệu cho bê tông và vữa (phương pháp thử);

- TCVN 4506:2012: Nước cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 4314:2022: Vữa xây dựng

- TCVN 2682-2020: Xi măng poocläng - yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 6260-2020: Xi măng poocläng hỗn hợp - yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 1651:2018 - Thép cốt bê tông;

- TCVN 14334:2025: Kết cấu bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4453:1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9115:2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4085:2025: Thi công kết cấu khối xây - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 14585:2025 về Bê tông - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 14586:2025 về Hỗn hợp bê tông - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCCS 14 : 2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- QCVN 41:2024/BGTVT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 18:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

- QCVN 16:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- Thông tư 41/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ xây dựng về Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác hiện hành được áp dụng;

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **14.400.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bốn tỷ bốn trăm triệu đồng./.)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	12.446.091.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	329.364.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	893.042.000	đồng
- Chi phí khác:	139.643.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	591.860.000	đồng

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

13.1. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028, từ ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư quyết định hình thức quản lý dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

15. Yêu cầu về nguồn lực; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

15.1. Yêu cầu về nguồn lực: Bố trí đủ nguồn vốn đáp ứng tiến độ dự án, đảm bảo theo mục tiêu đầu tư xây dựng đã phê duyệt.

15.2. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo các quy định pháp luật hiện hành.

16. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư:

16.1. Nội dung về tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý về việc tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; về trình tự, thủ tục hồ sơ, phân chia dự án thành phần; chia, tách gói thầu và lựa chọn nhà thầu khi tổ chức lập dự án. Đề nghị chủ đầu tư cùng các đơn vị tư vấn tiếp tục kiểm tra, rà soát hoàn thiện theo quy định và chịu trách nhiệm pháp lý về trình tự, thủ tục hồ sơ các bước khi lập dự án

16.2. Nội dung về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng: Năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế.... đã được chủ đầu tư thẩm định và đã quyết định phê duyệt lựa chọn; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý về kiểm tra, thẩm định, đánh giá tính chính xác các thông tin, chứng chỉ của các tổ chức, cá nhân, tính pháp lý các chứng chỉ năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia và chịu trách nhiệm pháp lý về quyết định phê duyệt lựa chọn các tổ chức cá nhận tham gia thực hiện hợp đồng đã ký kết và các quy định hiện hành; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra đảm bảo sự phù hợp của các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế so với nhân sự gói thầu theo quyết định trước khi phê duyệt.

16.3. Nội dung về kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý, hoàn thiện, bổ sung các nội dung sau (nếu có): Thoả thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, đấu nối giao thông, các văn bản thỏa thuận về kết nối hạ tầng khác; Thỏa thuận với cơ quan thẩm quyền quản lý nhà nước về văn hóa, về di tích lịch sử để được chấp thuận thiết kế theo các quy định pháp luật hiện hành; Thỏa thuận các chỉ tiêu kỹ thuật với cơ quan quản lý thủy lợi, cơ quan quản lý đê điều; Thực hiện các thỏa thuận, thủ tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan...để xây dựng công trình đảm bảo theo các quy định hiện hành;

16.4. Nội dung về Quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

Chủ đầu tư xem xét, hoàn thiện, bổ sung quyết định chấp thuận bằng văn bản danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho công trình. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp cần thiết, chủ đầu tư được đề xuất thay đổi, bổ sung các tiêu chuẩn áp dụng khi việc thay đổi, bổ sung tiêu chuẩn không làm thay đổi các nội dung dẫn đến yêu cầu phải điều chỉnh dự án theo quy định và phải được người quyết định đầu tư đồng ý bằng văn bản để làm cơ sở thực hiện. Chủ đầu tư và đơn

vị tư vấn đã chịu trách nhiệm pháp lý về áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn tiếp tục rà soát và chịu trách nhiệm pháp lý toàn bộ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành áp dụng phù hợp cho dự án

16.5. Nội dung về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường: Trong hồ sơ chưa thể hiện rõ các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý việc đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy và đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và thực hiện thủ tục về báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành

Chủ đầu tư lập biện pháp đảm bảo yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường trên công trường khi tổ chức thi công công trình; lập phương án quản lý việc đào bóc, vận chuyển đất nền, đăng ký cấp quyền khai thác khoáng sản (trường hợp dùng làm vật liệu xây dựng) và xử lý phế thải phát sinh.

16.6. Các nội dung khác có liên quan:

Chủ đầu tư, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quản lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình tháo dỡ (cửa cũ, thiết bị vệ sinh cũ, vật liệu hoàn thiện cũ...) và xử lý vật tư, vật liệu sau tháo dỡ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành;

Chủ đầu tư có biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi thi công và an toàn cho nhân dân địa phương lưu thông trên đường đang khai thác; bố trí thời gian thi công phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động của nhân dân địa phương;

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tiếp tục kiểm tra, rà soát, thẩm tra lại toàn bộ khối lượng, số lượng, chủng loại, đơn giá, giá vật liệu, định mức áp dụng vận dụng hoặc tạm tính; hạng mục chi phí tạm tính chưa đủ cơ sở xác định cần xác định cụ thể; cập nhật giá vật liệu theo công bố giá của Sở Xây dựng; giá báo giá, giá chứng thư thẩm định; giá nhiên liệu tại thời điểm lập giá gói thầu theo đúng quy định hiện hành, cự ly vận chuyển, đảm bảo tính đúng đắn, tính phù hợp, tính sát thực của chi phí xây dựng, đảm bảo hiệu quả đầu tư, thực hiện các thủ tục xin cấp phép thi công với các cơ quan chức năng (nếu có).

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm pháp lý về kiểm tra báo cáo kết quả thẩm tra và xác nhận tại báo cáo kết quả thẩm tra thời điểm trước và sau khi thẩm định, phê duyệt.

Chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

Khi triển khai thực hiện, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện quản lý đầu tư xây dựng và quản lý hồ sơ pháp lý, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đấu thầu, thi công, nghiệm thu... theo đúng quy định hiện hành; Tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và các công trình lân cận; An toàn trong quá trình thi công, phòng chống cháy nổ trên công trường, bảo vệ môi trường trong khi thi công và các nội dung liên quan khác trong quá trình thực hiện.

Điều 2. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 3. Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiến (chủ đầu tư); Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Đoàn